Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc
Số: 39/CV-VTS/2024	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN

GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 01/2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 01/2024 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AME			AME
3	BDB			BDB
4	BSC			BSC
5	BST			BST
6	BVS			BVS
7	CAP			CAP
8	CPC			CPC
9	CTB			CTB
10	D11			D11
11	DAD			DAD
12	DAE			DAE
13	DHP			DHP
14	DHT			DHT
15	DNC			DNC
16	DNP			DNP
17	DTD			DTD
18	DXP			DXP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	GMX			GMX
20	HAD			HAD
21	HBS			HBS
22	HCC			HCC
23	HJS			HJS
24	HLC			HLC
25	HLD			HLD
26	HOM			HOM
27	HTC			HTC
28	HUT			HUT
29	IDV			IDV
30	INC			INC
31	INN			INN
32	KST			KST
33	KTS			KTS
34	LBE			LBE
35	LHC			LHC
36	LIG			LIG
37	MBS			MBS
38	MCC			MCC
39	MCF			MCF
40	MDC			MDC
41	NAG			NAG
42	NBP			NBP
43	NET			NET
44	NFC			NFC
45	NHC			NHC
46	NTP			NTP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	NVB			NVB
48	PBP			PBP
49	PCE			PCE
50	PMC			PMC
51	PMS			PMS
52	POT			POT
53	PPP			PPP
54	PSC			PSC
55	PSD			PSD
56	PSE			PSE
57	PSW			PSW
58	PTS			PTS
59	PVC			PVC
60	PVI			PVI
61	PVS			PVS
62	RCL			RCL
63	S55			S55
64	S99			S99
65	SAF			SAF
66	SD5			SD5
67	SD9			SD9
68	SDC			SDC
69	SDN			SDN
70	SGC			SGC
71	SHN			SHN
72	SJ1			SJ1
73	SLS			SLS
74	SMN			SMN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	STC			STC
76	TA9			TA9
77	TDN			TDN
78	THD			THD
79	THS			THS
80	THT			THT
81	TIG			TIG
82	TNG			TNG
83	TTC			TTC
84	TV4			TV4
85	TVD			TVD
86	VBC			VBC
87	VC3			VC3
88	VC6			VC6
89	VC7			VC7
90	VCC			VCC
91	VCS			VCS
92	VGS			VGS
93	VNC			VNC
94	VNR			VNR
95	VTV			VTV
96	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BBC			BBC
9	BCG			BCG
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC			BMC
14	BMI			BMI
15	BMP			BMP
16	BRC			BRC
17	BSI			BSI
18	BTP			BTP
19	BTT			BTT
20	BVH			BVH
21	BWE			BWE
22	C32			C32
23	C47			C47
24	CAV			CAV
25	CCI			CCI
26	CCL			CCL
27	CDC			CDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
28	CII			CII
29	CLC			CLC
30	CLL			CLL
31	CLW			CLW
32	CMG			CMG
33	CMV			CMV
34	CMX			CMX
35	CNG			CNG
36	COM			COM
37	CRC			CRC
38	CSM			CSM
39	CSV			CSV
40	CTD			CTD
41	CTF			CTF
42	CTG			CTG
43	CTS			CTS
44	CVT			CVT
45	D2D			D2D
46	DBC			DBC
47	DBD			DBD
48	DBT			DBT
49	DCL			DCL
50	DCM			DCM
51	DGC			DGC
52	DGW			DGW
53	DHA			DHA
54	DHC			DHC
55	DHG			DHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
56	DIG			DIG
57	DPG			DPG
58	DPM			DPM
59	DPR			DPR
60	DQC			DQC
61	DRC			DRC
62	DSN			DSN
63	DTT			DTT
64	DVP			DVP
65	DXG			DXG
66	EIB			EIB
67	ELC			ELC
68	FCM			FCM
69	FCN			FCN
70	FIT			FIT
71	FMC			FMC
72	FPT			FPT
73	FTS			FTS
74	GAS			GAS
75	GDT			GDT
76	GEG			GEG
77	GEX			GEX
78	GMD			GMD
79	GSP			GSP
80	GTA			GTA
81	GVR			GVR
82	HAH			HAH
83	HAP			HAP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
84	HAX			HAX
85	HCM			HCM
86	HDB			HDB
87	HDC			HDC
88	HDG			HDG
89	HHS			HHS
90	HHV			HHV
91	HPG			HPG
92	HSG			HSG
93	HQC			HQC
94	HRC			HRC
95	HSL			HSL
96	HTI			HTI
97	HTL			HTL
98	HTN			HTN
99	HTV			HTV
100	HUB			HUB
101	HVH			HVH
102	ICT			ICT
103	IDI			IDI
104	IJC			IJC
105	ILB			ILB
106	IMP			IMP
107	ITC			ITC
108	KBC			KBC
109	KDC			KDC
110	KDH			KDH
111	KSB			KSB
112	L10			L10

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
113	LBM			LBM
114	LCG			LCG
115	LGC			LGC
116	LIX			LIX
117	LSS			LSS
118	MBB			MBB
119	MSN			MSN
120	MWG			MWG
121	NAF			NAF
122	NBB			NBB
123	NCT			NCT
124	NHA			NHA
125	NHH			NHH
126	NLG			NLG
127	NNC			NNC
128	NSC			NSC
129	NT2			NT2
130	NTL			NTL
131	OPC			OPC
132	PAC			PAC
133	PAN			PAN
134	PC1			PC1
135	PDN			PDN
136	PDR			PDR
137	PET			PET
138	PGC			PGC
139	PGD			PGD
140	PGI			PGI
141	PHR			PHR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
142	PJT			PJT
143	PLX			PLX
144	PNJ			PNJ
145	POW			POW
146	PTB			PTB
147	PVD			PVD
148	PVT			PVT
149	RAL			RAL
150	REE			REE
151	SAB			SAB
152	SAM			SAM
153	SAV			SAV
154	SBA			SBA
155	SBT			SBT
156	SC5			SC5
157	SCR			SCR
158	SFG			SFG
159	SFI			SFI
160	SGN			SGN
161	SHA			SHA
162	SHB			SHB
163	SHI			SHI
164	SHP			SHP
165	SJS			SJS
166	SMB			SMB
167	SRC			SRC
168	SSC			SSC
169	SSI			SSI
170	ST8			ST8

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
171	STB			STB
172	STK			STK
173	SVC			SVC
174	SVI			SVI
175	SVT			SVT
176	SZC			SZC
177	SZL			SZL
178	TBC			TBC
179	TCB			TCB
180	TCH			TCH
181	TCL			TCL
182	TCM			TCM
183	TCO			TCO
184	TCT			TCT
185	TDM			TDM
186	THG			THG
187	TIP			TIP
188	TIX			TIX
189	TLD			TLD
190	TLG			TLG
191	TMP			TMP
192	TMS			TMS
193	TN1			TN1
194	TNC			TNC
195	TPB			TPB
196	TRA			TRA
197	TRC			TRC
198	TV2			TV2
199	TVS			TVS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
200	TVT			TVT
201	UIC			UIC
202	VIB			VIB
203	VCB			VCB
204	VCF			VCF
205	VCG			VCG
206	VCI			VCI
207	VDP			VDP
208	VGC			VGC
209	VHC			VHC
210	VHM			VHM
211	VIX			VIX
212	VND			VND
213	VNE			VNE
214	VNG			VNG
215	VNM			VNM
216	VPB			VPB
217	VPD			VPD
218	VPG			VPG
219	VPI			VPI
220	VRC			VRC
221	VRE			VRE
222	VSC			VSC
223	VSI			VSI
224	VTB			VTB
225	VTO			VTO
226	YBM			YBM

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty:

http://vts.com.vn/hoat-dong-vts/danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-ky-quy-thang-01-nam-2024/vi-VN/25/143954/75.aspx

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập	**Kiểm soát**	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
NGUYỄN THANH TUYỀN	**HỒ TRẦN NGỌC ANH**	**NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN**